

Nhận diện một số đặc điểm hôn nhân ở vùng biên giới

Lê Ngọc Lân

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Trên cơ sở kết quả khảo sát 1.536 đại diện hộ gia đình, thảo luận với các cấp quản lý và người dân ở các xã biên giới 6 tỉnh (Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Nghệ An và Kon Tum), bài viết phân tích một số đặc điểm về hôn nhân hiện nay của người dân các dân tộc vùng biên giới miền Bắc và miền Trung: các yếu tố dẫn đến hôn nhân, vai trò quyết định và việc thực hiện pháp luật về hôn nhân. So sánh giữa hai nhóm: những người dân địa phương và những người kết hôn qua biên giới cho thấy có những khác biệt đáng kể về hoàn cảnh/lý do dẫn tới hôn nhân và mức độ hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn.

Từ khóa: Hôn nhân; Gia đình; Kết hôn có yếu tố nước ngoài; Hôn nhân xuyên biên giới.

Hôn nhân vùng biên là lĩnh vực đặc thù và mang yếu tố “tế nhị”. Đặc thù ở chỗ, đây là khu vực đông bào dân tộc thiểu số có quan hệ văn hóa, kinh tế lâu đời gần biên giới giữa hai quốc gia, nhiều nơi còn là quan hệ thân tộc của cùng tộc người ở hai bên đường biên. Yếu tố “tế nhị” được hiểu ở hai chiều cạnh: phong tục tập quán của đông bào dân tộc và quan hệ giữa hai quốc gia. Phong tục tập quán về hôn nhân và gia đình có từ lâu đời và hiện nay vẫn còn chi phối, ảnh hưởng ở nhiều dân tộc. Việc giải

quyết các vấn đề về hôn nhân giữa “luật tục” và luật pháp vẫn phát sinh những vấn đề cần giải quyết. Quan hệ quốc gia trong lĩnh vực hôn nhân cũng còn những vấn đề về văn hóa, chính trị, luật pháp cần tiếp tục tháo gỡ để vừa đảm bảo an ninh chính trị, vừa đảm bảo quyền của mỗi người dân. Hôn nhân xuyên biên giới được hiểu là cuộc hôn nhân giữa những người ở hai bên biên giới quốc gia liền kề (chẳng hạn như Việt – Trung hoặc Việt - Lào).

Tại 6 tỉnh (Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Nghệ An và Kon Tum), có 1.536 đại diện các hộ gia đình vùng biên tham gia khảo sát. Ngoài những thông tin chung về hộ gia đình, những người tham gia sẽ mô tả về tiến trình hôn nhân của mình (hoặc về người thân có hôn nhân với người ngoại biên). Người trả lời cũng cho ý kiến về một số nhận định, quan niệm về tình hình hôn nhân, chấp hành luật pháp về hôn nhân và gia đình hiện nay cũng như về những điều “hơn, thiệt” khi kết hôn với người khác tộc ở trong và ngoài nước.

Khu vực phía Bắc (4 tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh) có 1.017 người tham gia khảo sát; biên giới miền Trung (Nghệ An và Kon Tum) có 519 người tham gia. Trong đó, nam: 760 (49,5%) và nữ: 776 người (50,5%); 32% người dưới 40 tuổi, 37,3% từ 40-50 tuổi và 30,7% trên 50 tuổi. Về dân tộc, có 9,8% là người Kinh/Hoa; 21,1% là người Tày; 19,8% là người Nùng; 12,0% là nhóm người Thái/Sán Chay; 24,4% là nhóm Hmông/Dao và 13% là nhóm người Xơ Đăng/Gia Rai.

Trong số 1.536 người cung cấp thông tin, có 395 trường hợp là con em, người trong gia đình đi lấy chồng/vợ bên kia biên giới, nhưng chỉ có 319 trường hợp có thông tin về cuộc hôn nhân này. Đây sẽ là nhóm chủ yếu để phân tích các đặc điểm hôn nhân so với nhóm đối chứng là những người trả lời nói về cuộc hôn nhân nội địa của chính mình. Cũng cần lưu ý là, trong tổng số 1.536 cuộc hôn nhân được khảo sát, có 83,5% là hôn nhân giữa những người cùng tộc; 14,3% khác tộc và 34 trường hợp không xác định (2,2%) – những trường hợp này thường rơi vào các cặp có hôn nhân xuyên biên giới do người trả lời là thân nhân trong gia đình không nắm rõ được thông tin.

Chia ra theo khu vực biên giới phía Bắc và miền Trung cho thấy những cuộc hôn nhân nội địa có tỷ lệ cùng dân tộc cao hơn: ở biên giới phía Bắc là 83,3% (trong khi những cuộc hôn nhân với người Trung Quốc chỉ có 69,8% là cùng tộc. Biên giới miền Trung có 97,9% cuộc hôn nhân đồng

tộc trong khi những người lấy vợ/chồng Lào hoặc Trung Quốc có tỷ lệ cùng tộc chỉ là 68,4%.

Có 89,7% các cuộc hôn nhân của người trả lời là hôn nhân lần đầu. So sánh giữa những người kết hôn nội địa với những người kết hôn bên kia biên giới có sự khác biệt. 94,7% những người kết hôn nội địa là kết hôn lần đầu, trong khi đó, 29,2% những người lấy chồng/vợ bên kia biên giới là lần kết hôn thứ 2, thứ 3 (chỉ có 70,8% kết hôn lần đầu).

Phân phân tích dưới đây sẽ tập trung vào một số đặc điểm của hôn nhân xuyên biên giới như: (1) lý do dẫn đến hôn nhân; (2) người quyết định cuộc hôn nhân; (3) việc đăng ký kết hôn; và (4) nhận định về một số nguyên nhân dẫn đến các cuộc hôn nhân xuyên biên giới. Trong quá trình phân tích, chúng tôi sẽ chia thành hai nhóm hôn nhân của người trả lời và hôn nhân có yếu tố nước ngoài do người nhà cung cấp thông tin để so sánh.

1. Môi trường, hình thức quen biết dẫn tới hôn nhân

Khi đưa ra một số hoàn cảnh có thể dẫn đến việc làm quen, nảy sinh tình cảm như: đi chơi, đi chợ; đi buôn bán/làm ăn; được giới thiệu/mai mối hoặc quen biết do là người cùng làng/bạn học, các câu trả lời từ tổng số 1.536 người được khảo sát cho thấy ở vùng biên giới, người cùng làng, bạn học hay đi chơi/đi chợ là yếu tố giúp phát triển quan hệ bạn bè, quen biết thành quan hệ hôn nhân chiếm tỷ lệ cao (28,6 và 25,4%). Mai mối/giới thiệu chiếm tỷ lệ cao thứ 3 với 22,8% (Bảng 1).

Có sự khác biệt về môi trường làm quen giữa những cặp hôn nhân nội địa và những người có hôn nhân với người nước ngoài. Chẳng hạn, nếu đi chơi/đi chợ là môi trường làm quen của 27,6% những cặp hôn nhân nội địa thì chỉ chiếm 17,0% ở những cặp hôn nhân qua biên giới. Chỉ có 6,6% các cuộc hôn nhân nội địa làm quen qua việc đi làm ăn buôn bán thì tỷ lệ này ở nhóm còn lại là 42,8%. Được giới thiệu, mai mối để gặp gỡ hoặc là người cùng bản làng ở nhóm hôn nhân nội địa cao hơn nhóm hôn nhân xuyên biên giới (xem Bảng 1).

So sánh giữa các cuộc hôn nhân nội địa và hôn nhân xuyên biên giới (do cha mẹ/người nhà cung cấp) cho thấy sự khác biệt lớn: có 72,3% các cuộc hôn nhân nội địa là tự tìm hiểu trong khi tỷ lệ này ở các cuộc hôn nhân xuyên biên giới (XBG) là 64,6%. Nếu có 12,7% các cuộc hôn nhân nội địa hình thành do giới thiệu thì có đến 21,0% các cuộc hôn nhân XBG phải thông qua hình thái này; 14,1% các cuộc hôn nhân nội địa do sắp xếp

Bảng 1. Hoàn cảnh gặp gỡ vợ/chồng (%)

Hoàn cảnh gặp gỡ	Nhóm hôn nhân		Tỷ lệ chung
	Nội địa	XBG	
Đi chơi/đi chợ	27,6	17,0	25,4
Đi buôn bán, làm thuê	6,6	42,8	14,1
Được giới thiệu/mai mối	24,2	17,3	22,8
Là người làng/bạn học/cùng cơ quan	35,1	3,8	28,6
Khác	6,5	19,2	9,1
N	1.216	318	1.534

hứa hôn của cha mẹ thì ở nhóm XBG tỷ lệ này chỉ có 0,3% nhưng do bị cưỡng ép, lừa bán thì ở nhóm hôn nhân XBG có tỷ lệ cao gấp hơn 10 lần (14,1 so với 0,9%) - xem Bảng 2.

So sánh giữa hai khu vực biên giới cho thấy, ở 4 tỉnh biên giới phía Bắc, tỷ lệ các cuộc kết hôn do tự tìm hiểu có tỷ lệ cao nhất cũng chỉ chiếm 65,1% (trong đó những người kết hôn nội địa có tỷ lệ là 65,7% và nhóm kết hôn với người nước ngoài là 63,6%). Những cuộc hôn nhân qua giới thiệu hoặc qua sắp xếp/hứa hôn cao hơn các tỉnh biên giới Trung bộ (17,4 và 13,1%). Đáng lưu ý là nhóm kết hôn XBG có tỷ lệ qua giới thiệu khá cao (22,9%) bên cạnh lý do bị bắt cóc, lừa bán chiếm khoảng 13,2%. Ở biên giới miền Trung, tỷ lệ kết hôn do tự tìm hiểu chiếm đến 81,7% (nội địa chiếm 82,5 và hôn nhân XBG chiếm 71,8%). Đáng lưu ý, tỷ lệ kết hôn XBG do bị lừa bán ở khu vực này cao hơn so với khu vực biên giới phía Bắc (20,5% so với 13,2%).

Bảng 2. Hình thức quen biết dẫn đến hôn nhân (%)

Hình thức quen biết dẫn đến hôn nhân	Nhóm hôn nhân		Tỷ lệ chung
	Nội địa	XBG	
Qua sắp xếp/hứa hôn	14,1	0,3	11,3
Qua giới thiệu/mai mối	12,7	21,0	14,4
Tự tìm hiểu	72,3	64,6	70,7
Khác (bắt cóc, lừa bán...)	0,9	14,1	3,6
N	1.217	319	1.536

Hình thức quen biết dẫn dắt đến hôn nhân xuyên biên giới khá đa dạng, phổ biến nhất là đi làm thuê hoặc bị lừa bán rồi dẫn đến hôn nhân. Qua trao đổi với người dân địa phương về hoàn cảnh của những cuộc hôn nhân XBG thì ngoài một số cặp tự nguyện tìm hiểu yêu đương, nhiều phụ nữ vùng biên đi lấy chồng do quá lứa lỡ thì, khuyết tật hoặc bị lừa bán.

“Một số chị em quá lứa quá tuổi tự tìm hiểu tự sang. Cũng có mối nhưng một số tự giác đi làm thuê, chặt mía... Sau quen bên kia rồi lấy chồng bên đấy cũng nhiều” (PVS cán bộ xã, Lạng Sơn).

“Đầu tiên nó lừa đi sang lao động làm về sẽ khá thì đi thôi, gia đình rất khó khăn, người đi lừa cũng là người Mông. Nghe ở bên kia làm tốt là sướng rồi” (TLN cán bộ xã, Nghệ An).

Nhưng cũng có những bản giáp biên, cùng dân tộc thì việc giao lưu kinh tế, văn hóa đã trở thành truyền thống, thậm chí có họ hàng thân tộc cư ngụ bên kia biên giới, nên việc hình thành các cặp hôn nhân cùng tộc được xem như bình thường.

“Chúng tôi thì bên kia cũng toàn người Nùng, 100% là dân tộc Nùng, và cũng có dân tộc Sán Chỉ, như địa bàn chúng tôi, về cái quan hệ thì họ hàng thân tộc mấy đời, kiểu như là Việt Nam với Lào, (hai bản với nhau) thì có những điểm chung, phong tục tập quán cũng chung, tết Âm thì hầu như là chung, tết Đoan Ngọ mừng 5-5 hay rằm tháng 7 hay tết Trung Thu cũng chung” (TLN cán bộ xã, Cao Bằng).

Với nhóm người mà cuộc hôn nhân của họ không xuất phát từ việc tự tìm hiểu mà do sắp đặt, mai mối, lừa bán... thì những người ép gả ấy là ai? Tìm hiểu 448 người trong tổng mẫu có hoàn cảnh này cho thấy: tỷ lệ cao nhất là do cha mẹ sắp đặt (53,8%) và tiếp đến là do người lạ lừa bán (12,5%). Trong số 111 người kết hôn XBG trong hoàn cảnh này, có 36 người kết hôn do bị người lạ bắt ép, lừa bán. Số còn lại do anh chị em, bạn bè, người làm mối (là những người quen) giới thiệu hoặc thậm chí cũng lừa ép ở bên kia biên giới.

Một cán bộ xã ở Cao Bằng cho biết: *“từ những năm 90 đến bây giờ (tháng 11/2014) là chúng tôi đã có 71 chị em đi lấy chồng Trung Quốc, mà lý do lấy chồng Trung Quốc thì một số thì bị lừa sang đi bán, một số đi thăm thân, một số đi làm thuê, sang bên đấy làm sau quen biết này nọ, thấy điều kiện kinh tế nó phát triển cũng sang đấy lấy chồng. Trong 71 chị em sang lấy chồng Trung Quốc có 2 gia đình quen biết nhau, môi giới này*

nọ thì sang đấy” (TLN cán bộ xã, Cao Bằng).

Điển hình là người quen thân lừa bán: “là bạn thân thích của mẹ đẻ đấy. Bà ở bên Trung Quốc, lấy chồng bên Trung Quốc, thế xong bà về chơi rồi bà hỏi mẹ là, bây giờ cậu nuôi con lớn rồi, hai đứa thì chỉ có một đứa con gái thôi, thì cậu với con gái lớn rồi thì bây giờ cho sang bên tớ ở chơi 2-3 tháng rồi cho con về. Thế mình không ngờ là, mẹ cũng tin tưởng mẹ đồng niên thì cũng là bạn bè thân thích với nhau, chơi thân với nhau như thế, thì không nghĩ là bà ý lừa như thế, thế là bố mẹ cũng đồng ý cho sang đấy chơi. Thế rồi đi sang bên đấy được 7 ngày thì bà đưa mình đi bán” (PVS nữ, 32 tuổi, Quảng Ninh).

2. Quyết định hôn nhân

Quyết định hôn nhân được phân tích dưới 2 góc độ: lý do chính quyết định kết hôn và người quyết định cuộc hôn nhân này.

Để đi đến một cuộc hôn nhân có nhiều lý do. Người thì quen biết, cảm mến rồi yêu nhau mà lấy. Có người đơn giản chỉ là đến tuổi, có người đến hỏi; cũng có người lấy vợ lấy chồng hy vọng vào một chỗ dựa về tình cảm, về kinh tế hoặc lấy người chăm sóc gia đình. Có 2 nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao dẫn đến các cuộc hôn nhân ở đây là “vì tình yêu” và “để ổn định gia đình” (đến tuổi, có vợ chồng để gánh vác các trách nhiệm gia đình) với tỷ lệ tương ứng là 40,5 và 24,1%. Ngoài các trường hợp bị buôn bán, có đến 12,4% cuộc hôn nhân là do cha mẹ, họ hàng sắp xếp; 5,8% muốn kết hôn để gia đình có người chăm sóc; 4,7% để có chỗ dựa về kinh tế; 2,9% lấy nhau để có chỗ dựa tinh thần tình cảm (Bảng 3).

Kết quả phân tích số liệu cho thấy, đối với những cặp hôn nhân hiện đang sống trong nước, tỷ lệ hôn nhân vì tình cao hơn gấp đôi nhóm hôn nhân XBG được gia đình khai báo. Các lý do như cần chỗ dựa về kinh tế, bị lừa bán và những lý do khác ở nhóm hôn nhân XBG đều cao hơn nhóm hôn nhân hiện sống trong nước.

Chia theo nhóm giới tính người trả lời của những cuộc hôn nhân nội địa (chỉ xét đến cuộc hôn nhân của chính họ), tỷ lệ nữ giới cho rằng họ lấy chồng vì tình cao hơn nhóm nam (50,2 so với 40,7%), nhưng lý do để gia đình có người chăm sóc và để ổn định gia đình ở nhóm nam lại cao hơn nhóm nữ (12,6 và 27,3%). Nữ giới lấy chồng để có chỗ dựa về kinh tế, về tinh thần cao hơn nam giới gấp 2-3 lần.

Như vậy, về lý do kết hôn, nhìn chung “lấy nhau vì tình” chiếm tỷ lệ

Bảng 3. Lý do chính quyết định kết hôn (%)

Lý do chính	Nhóm kết hôn		Tỷ lệ chung	Giới tính NTL(*)	
	Nội địa	XBG		Nam	Nữ
Vì tình yêu	45,6	20,7	40,5	40,7	50,2
Gia đình có người chăm sóc	7,1	0,9	5,8	12,6	1,9
Có chỗ dựa tinh thần	1,7	7,5	2,9	1,0	2,4
Có chỗ dựa kinh tế	2,2	14,1	4,7	1,2	3,2
Có người đến hỏi	1,2	5,6	2,1	-	2,4
Để ổn định gia đình	25,7	18,2	24,1	27,3	24,2
Bố mẹ, họ hàng sắp xếp	15,4	0,9	12,4	16,0	14,8
Muốn lấy người nước ngoài	0,2	8,2	1,8	0,3	-
Lý do khác	0,8	11,0	2,9	0,9	0,8
Bị lừa bán	0,1	12,9	2,7	-	0,2
N	1.216	319	1.535	587	629

(*) Chỉ nói về cuộc hôn nhân của chính họ

cao nhất, nhưng giữa các nhóm hôn nhân nội biên và hôn nhân XBG, giữa nhóm nam và nhóm nữ, giữa các nhóm dân tộc vùng biên cũng có những khác biệt nhất định. Nhóm hôn nhân XBG ngoài số bị lừa bán thì lấy chồng vì chỗ dựa kinh tế, để ổn định gia đình là những lý do chính. Với nam giới, ngoài tình yêu, lý do để ổn định gia đình, để có người chăm sóc hoặc do cha mẹ sắp xếp có tỷ lệ cao hơn nhóm nữ; ngược lại, phụ nữ các dân tộc có tỷ lệ kết hôn vì tình yêu cao hơn nam giới, và một số lý do khác biệt với nam là có người đến hỏi hoặc lấy chồng vì cần chỗ dựa. Với các nhóm dân tộc, đa số khẳng định họ lấy nhau vì tình (chiếm tỷ lệ cao nhất ở nhiều nhóm dân tộc), nhưng cũng có nhóm yếu tố “để ổn định gia đình” cao hơn là lấy nhau vì tình yêu (nhóm Nùng) và ở người H’mông/Dao, tỷ lệ kết hôn do cha mẹ sắp đặt cao nhất trong các nhóm được so sánh (17,6%).

Tìm hiểu về lý do dẫn đến các cuộc hôn nhân XBG, người đại diện các hộ gia đình có hôn nhân nội địa cho rằng tìm kiếm việc làm, thu nhập dẫn đến gặp gỡ và kết hôn (47,9%), do quá lứa lỡ thì (26,0%), do bị lừa bán (21,6%), tâm lý muốn giàu nhanh (18,2%), vì tình yêu (14,8%), nghèo, muốn báo hiếu cha mẹ (13,9%) và trốn tránh cuộc hôn nhân hiện tại

Bảng 4. Những lý do dẫn đến hôn nhân XBG (%)

Lý do	Nhóm đại diện hộ gia đình		Tỷ lệ chung
	Không có HNXBG	Có HNXBG	
Nghèo túng, muốn bảo hiểm	13,9	11,6	13,4
Tìm việc làm rồi gặp gỡ	47,9	69,6	52,4
Bị lừa bán	21,6	21,3	21,5
Là tập tục lâu đời	4,6	4,4	4,6
Do hội nhập	1,6	3,1	2,0
Vì tình yêu	14,8	21,9	16,3
Do quá lứa lỡ thì	26,0	42,6	29,4
Trào lưu mới	4,7	3,4	4,4
Muốn giàu nhanh	18,2	12,6	16,9
Buồn chán	9,4	9,1	9,4
Trốn tránh cuộc hôn nhân hiện tại	12,6	26,6	15,5
Muốn thoát ly	5,5	11,9	6,8
N	1.217	319	1.536

(12,6%). Đối với những gia đình có con em lấy chồng nước ngoài, quan niệm này có khác biệt nhất định: lý do đi tìm kiếm việc làm và do quá lứa lỡ thì là những lý do hàng đầu và chiếm tỷ lệ cao (69,6 và 42,6%) và cao hơn hẳn so với quan niệm của nhóm hôn nhân nội địa. Trốn tránh cuộc hôn nhân hiện tại là nguyên nhân thứ ba và có tỷ lệ đồng ý cao gấp hơn 2 lần nhóm gia đình hôn nhân nội địa (26,6 so với 12,6%). Bị lừa bán và vì tình yêu chiếm tỷ lệ ngang nhau của các câu trả lời (21,3 và 21,9%), muốn thoát ly khỏi quê hương là lý do được nhóm gia đình có hôn nhân XBG lựa chọn cao hơn nhóm gia đình hôn nhân nội địa (11,9 so với 5,5%) (Bảng 4).

Về người quyết định cuộc hôn nhân, có một nửa các cuộc hôn nhân là do con cái quyết định có hỏi ý kiến cha mẹ (50,8%), trong đó, 25,7% là ở nhóm hôn nhân XBG. Con cái quyết định hoàn toàn chiếm tỷ lệ cao thứ hai (26,4%) nhưng ở nhóm hôn nhân XBG tỷ lệ này cao gấp hơn 3 lần nhóm hôn nhân nội địa (56,7% so với 18,4%) – Bảng 5.

Xét theo khu vực biên giới, cả ở miền Bắc và miền Trung, tỷ lệ cha mẹ quyết định hoàn toàn hôn nhân của con cái là khá thấp. Nhóm cha mẹ

Bảng 5. Người quyết định chính cuộc hôn nhân (%)

Người quyết định chính	Nhóm hôn nhân		Tỷ lệ chung
	Nội địa	XBG	
Cha mẹ quyết định hoàn toàn	9,9	0,9	8,1
Cha mẹ quyết định, có hỏi con cái	13,5	1,9	11,1
Con cái quyết định hoàn toàn	18,4	56,7	26,4
Con cái quyết định, có hỏi ý kiến cha mẹ	57,4	25,7	50,8
Khác	0,7	2,5	1,1
Bị lừa bán	0,1	12,2	2,6
N	1.217	319	1.536

quyết định có hỏi ý kiến con cái ở phía Bắc cao hơn khu vực biên giới miền Trung (13,5 so với 6,4%); con cái quyết định hoàn toàn ở khu vực biên giới phía Bắc cao hơn khu vực biên giới miền Trung (28,3 so với 22,5%) nhưng việc kết hôn do con cái quyết định có hỏi ý kiến cha mẹ ở nhóm miền Trung lại cao hơn khu vực phía Bắc (60,7 so với 45,7%) và có 3,1% cuộc hôn nhân ở phía Bắc là do bị lừa bán/bắt cóc (khu vực biên giới miền Trung là 1,5%).

Rõ ràng, theo thời gian, hôn nhân tiến bộ cũng đã tác động đến những vùng sâu, vùng xa khi tỷ lệ các cuộc hôn nhân tự quyết (bao gồm tự quyết định và con cái quyết định có hỏi ý kiến cha mẹ) ngày càng tăng ở nhóm dưới 40 tuổi. Theo đó, nếu không tính những cuộc hôn nhân XBG do người nhà cung cấp, tình trạng về người quyết định các cuộc hôn nhân như sau:

Bảng 6. Người quyết định hôn nhân, phân theo nhóm tuổi của NTL (%)

Người quyết định chính	<40 tuổi	40-50	>50 tuổi
Cha mẹ quyết định hoàn toàn	3,9	14,6	11,8
Cha mẹ quyết định, có hỏi con cái	7,9	16,8	16,8
Con cái quyết định hoàn toàn	19,1	16,6	20,4
Con cái quyết định, có hỏi ý kiến cha mẹ	68,4	51,1	50,0
Khác	0,7	0,6	1,1
Bị lừa bán	-	0,2	-
N	456	481	280

Với những người kết hôn XBG, phần lớn cũng là tự nguyện. Có những trường hợp có chồng rồi cũng bỏ đi, mang theo cả con cái đi gả chồng bên Trung Quốc hy vọng cuộc sống tốt hơn. “*Có người có hẳn 3 đứa con rồi mà vẫn chạy sang bên kia lấy chồng tiếp, có con tiếp. Bà Xuân đấy, còn có cả bà Kháo, bà Kháo này bà lại sinh năm 71 có 5-6 đứa con rồi vẫn sang bên kia lấy, lấy xong rồi 2 đứa con gái lại đi cùng mẹ, 15-16 tuổi đi cùng mẹ lấy chồng bên Trung Quốc hết*” (TLN cán bộ xã, Lạng Sơn).

Trên thực tế, nhiều chị em phụ nữ vùng biên ở vào giai đoạn “quá lứa”, có khuyết tật về cơ thể hoặc gia đình tan vỡ nên điều kiện kết hôn tại chỗ khó khăn hơn. Lấy chồng Trung Quốc cũng là một cơ hội để họ có một gia đình hoặc thoát khỏi tình trạng bạo lực, nghèo đói.

“*Bên Trung Quốc thì mất bình đẳng giới hay sao, chúng tôi không tận mắt nhìn thấy nhưng theo người ta kể lại: ở bên kia mà lấy được một người vợ nội địa là hơi khó. Ví dụ gia đình họ không có điều kiện, là phải bỏ tiền ra mua, thế nên người ta đi lừa, bán khoảng mấy nghìn, vạn hơn vạn. Nhiều chị em, nhiều khi chỉ có thiên chức làm mẹ thì chỉ biết đẻ thôi, chứ mất khả năng thần kinh, hay mình hay bảo là sút môi lồi rốn thì nó lấy*” (TLN cán bộ xã, Cao Bằng).

3. Đăng ký kết hôn

Ở vùng dân tộc thiểu số, việc đăng ký kết hôn chưa được coi là phổ biến. Có tới 51,2% số cặp vợ chồng được hỏi không đăng ký trước khi cưới, chỉ có 44,7% có làm thủ tục này. Với nhóm hôn nhân XBG do người nhà thông tin lại, 77,4% các trường hợp là không đăng ký, chỉ có 4,7% các cặp có đăng ký và 17,9% các cặp này người nhà không nắm rõ thông tin.

Theo các nhóm dân tộc, nếu tính chung cả các cuộc hôn nhân XBG, nhóm người Kinh/Hoa có tỷ lệ đăng ký kết hôn cao nhất (85,3%) sau đó

Bảng 7. Tình hình đăng ký kết hôn trước khi cưới (%)

Tình hình đăng ký kết hôn	Nhóm hôn nhân		Tỷ lệ chung
	Nội địa	XBG	
Có đăng ký	44,4	74,4	51,2
Không đăng ký	52,2	4,7	44,7
Không rõ/không nhớ	0,4	17,9	4,0
Tổng	1.217	319	1.536

đến các nhóm Xơ Đăng/Gia Rai 53,3%; Tày 50,6%; Thái/Sán Chay 49,5%; Hmông/Dao 32,3% và thấp nhất ở nhóm người Nùng 25,3%.

Có thể phân tích ở nhóm hôn nhân có thông tin rõ ràng nhất là của bản thân người trả lời thì nhóm Kinh/Hoa có tỷ lệ đăng ký trước khi cưới là 89,9%; Tày 68,7%; Nùng 52,4%; Thái/Sán Chay 52,25; Hmông/Dao 34,1% và Xơ đăng/Gia Rai 53,8%. Từ 72% đến 100% những người ở các nhóm dân tộc đi lấy chồng bên kia biên giới không đăng ký kết hôn. Và nhóm hôn nhân nội địa ở miền Trung có tỷ lệ không đăng ký kết hôn cao hơn khu vực biên giới phía Bắc (59,4 so với 34,6%).

Những người kết hôn lần thứ 2 trở lên có tỷ lệ không đăng ký cao hơn nhóm kết hôn lần thứ nhất (62,1 so với 43,3% với những cuộc hôn nhân của người trả lời). Nếu tính cả những cuộc hôn nhân XBG được khai báo thì tỷ lệ không đăng ký ở lần kết hôn thứ hai cũng cao hơn lần đầu (67,1 so với 48,1%).

Nói về tình trạng này, nhiều người dân cho biết, ngay tại địa phương, nhiều người vẫn không đăng ký kết hôn, hoặc tảo hôn: *“Có một trường hợp ông này cũng là Chủ tịch Hội Người cao tuổi của xã, đưa con dâu cũng chẳng đăng ký kết hôn gì cả. Tôi đi dự tổ chức đám cưới, dùng một phát đứa con dâu bỏ đi, bây giờ cũng chẳng biết làm đơn trong xã để mà*

Bảng 8. Lý do không đăng ký kết hôn trước khi cưới (%)

Lý do không đăng ký	Nhóm kết hôn		
	Nội địa	XBG	Tỷ lệ chung
Không đủ thời gian	1,5	1,2	1,4
Không đủ điều kiện giấy tờ	12,2	44,5	22,4
Không cần thiết	25,0	12,6	21,1
Thủ tục phức tạp	0,9	3,2	1,7
Bị bắt cóc/lừa bán	0,2	10,1	3,3
Không được hướng dẫn	10,2	3,6	8,1
Không biết các thủ tục	37,4	16,6	30,9
Khác	12,6	2,8	9,5
Không biết	0,0	5,3	1,7
Tổng số	540	247	787

báo, nếu anh đăng kí kết hôn thì xã mới can thiệp đúng. Anh chẳng đăng ký gì cả, bây giờ tự nhiên bỏ đi, đấy nên ông chấp nhận ngậm ngùi là mất” (TLN cán bộ xã, Cao Bằng).

Vậy lý do của gần một nửa (787 cặp) các cuộc hôn nhân không đăng ký trước khi cưới là gì? Kết quả khảo sát cho thấy với các cuộc hôn nhân nội địa, tỷ lệ không đăng ký cao nhất là với lý do không biết các thủ tục/chưa bắt buộc (37,4%); 25% thấy rằng không cần thiết; 12,2% không đủ điều kiện, giấy tờ (trong đó không ít hiện tượng tảo hôn). Đối với các cuộc hôn nhân XBG, không đủ giấy tờ để đăng ký chiếm tỷ lệ cao nhất (44,5%) sau đó là không biết các thủ tục (16,6%) và thấy không cần thiết (12,6%) (Bảng 8).

Những người kết hôn XBG nếu có điều kiện và biết các thủ tục thì một số không ngại và vẫn có thể làm đăng ký trước khi kết hôn:

“Cũng không mất lâu đâu, nó lên lấy giấy giới thiệu xã rồi lên thẳng Hà Nội mất có 3 ngày thôi, nó chả kêu ca gì cả. Môm nó cũng toang toác, nói nhiều, nó bảo đi đâu nó cũng đi, nó liên hệ giao lưu được” (nữ, 52 tuổi, dân tộc Nùng, Lạng Sơn).

“Bây giờ chủ trương chính sách hiệp định chính phủ của ta và Lào rõ hơn, nhưng cơ bản 2 bên lấy nhau theo truyền thống, thích là lấy thôi, người ta không đăng ký đâu, một bước là sang bên kia. Vì cư dân hai bên biên giới có mối quan hệ thân tộc với nhau” (TLN cán bộ xã, Nghệ An).

Nhiều người cũng cho rằng không đăng ký kết hôn cũng chẳng ảnh hưởng gì đến cuộc sống bình thường của họ. Trong số 787 cặp không đăng ký kết hôn, có 76,6% cho rằng họ không gặp trở ngại gì trong cuộc sống (94,4% các cặp hôn nhân nội địa và 37,7% các cặp hôn nhân XBG). Có lẽ những người kết hôn XBG thấy rõ hơn việc họ không có được giấy đăng ký kết hôn ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của họ: không được nhập quốc tịch, không được hưởng các chế độ xã hội và khó khai sinh cho con.

Như vậy, có thể thấy việc đăng ký kết hôn cho đến nay vẫn là vấn đề cần được tuyên truyền để nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân vùng biên khi còn một tỷ lệ khá lớn các cuộc hôn nhân không đăng ký, nhất là với nhóm đồng bào H’mông/Dao. Đây đó còn những trường hợp tảo hôn mà bà con dân tộc cũng đã biết cách “lách luật”, chỉ tổ chức hai bên gia đình, vẫn ở riêng rồi chờ đủ tuổi mới đi đăng ký. Những cuộc hôn nhân XBG không có đăng ký kết hôn ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của

những phụ nữ lấy chồng nước ngoài. Họ không được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp. Con cái họ cũng gặp những khó khăn nhất định, đặc biệt là những trường hợp hôn nhân không đạt mục đích, phải quay về địa phương.

4. Một số vấn đề cần quan tâm

Hôn nhân xuyên biên giới là đặc thù của hôn nhân vùng biên. Vì không có điều kiện phỏng vấn trực tiếp những phụ nữ lấy chồng ở nước láng giềng nên chúng tôi tìm hiểu thêm quan niệm của người dân ở đây về một số lý do của các cuộc hôn nhân xuyên biên giới. Trong quá trình phân tích, chúng tôi cũng sẽ tách hai nhóm đại diện hộ: nhóm hôn nhân đối chứng và nhóm đại diện của gia đình có hôn nhân với người nước ngoài.

Vấn đề đối với các cuộc hôn nhân XBG lại là ở chỗ có những cuộc hôn nhân hợp pháp và bất hợp pháp. Hôn nhân bất hợp pháp xuất phát từ những vụ cưỡng ép, lừa bán, cả những cuộc hôn nhân thuận tình nhưng không đủ điều kiện đăng ký. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường hơn nữa những hoạt động, những hình thức truyền thông nâng cao nhận thức pháp luật: Luật Hôn nhân gia đình, Luật Phòng chống buôn bán người và các quy định về an ninh chính trị vùng biên... để người dân nâng cao ý thức chấp hành luật pháp, giảm dần tình trạng hôn nhân không đăng ký, ly hôn không pháp lý bên cạnh việc tích cực phòng ngừa các vụ buôn bán người qua biên giới.

Để người dân có điều kiện chấp hành luật pháp tốt hơn, cũng cần có những thay đổi về phương thức quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình có tính đặc thù ở các địa bàn giáp ranh (xã/bản vùng biên); cải tiến quy trình thủ tục đăng ký kết hôn cho đơn giản, thuận tiện hơn. Ý kiến của một cán bộ xã vùng biên thể hiện những băn khoăn, vướng mắc cần tháo gỡ về vấn đề này:

“Người ta còn chưa ra tỉnh bao giờ, bây giờ cho người ta đến Bộ Ngoại giao, sứ quán thì người ta không biết đường người ta đi. Kể cả mình có tư vấn thì nó cũng không biết chỗ đi. Tôi thấy thế này, thì cái tâm này cũng là cái tâm vĩ mô, tâm Quốc hội thì người ta mới phán quyết được, nhưng tôi cũng mạo muội là đề xuất thôi thì có thể là đăng ký giấy đăng ký hôn nhân với người nước ngoài, với các nước có chung đường biên giới như Việt Nam, Lào, Campuchia, hay là Trung Quốc đây, bây giờ một số chị em ngay xóm này, sang lấy ngay sát đây này, đây là xin đất ông ngoại làm, thì các bác là thẩm quyền cấp huyện có thể đăng kí kết

hôn được thì sẽ tạo điều kiện và quyền lợi cho con người Việt Nam sống ở nước ngoài nó dễ hơn, đấy tôi có kiến nghị như thế.” (TLN cán bộ xã, Cao Bằng).

Gần đây, Bộ Tư pháp trong quá trình soạn thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch đã đưa vào một số điều khoản tháo gỡ cho tình hình này. Theo đó, mở rộng việc cấp khai sinh cho trẻ em, cấp huyện có thẩm quyền đăng ký kết hôn và bỏ thủ tục phỏng vấn đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Điều này sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho người dân vùng biên trong việc chấp hành pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Kết luận

Như vậy, qua phân tích kết quả điều tra có thể thấy một số đặc điểm cơ bản của hôn nhân XBG. Đó là, có sự khác biệt về môi trường làm quen giữa những cặp hôn nhân nội địa và những người có hôn nhân với người nước ngoài. Giữa các cuộc hôn nhân nội địa và hôn nhân xuyên biên giới cho thấy sự khác biệt lớn: các cuộc hôn nhân nội địa là do tự tìm hiểu cao hơn nhóm hôn nhân XBG. Nhưng nhóm hôn nhân XBG lại có tỷ lệ môi giới, giới thiệu cao hơn. Lý do của những cuộc hôn nhân xuyên biên giới thì nhiều, nhưng đi do lao động làm thuê, bị lừa bán dẫn đến hôn nhân là lý do phổ biến nhất.

Có 2 nguyên nhân chính dẫn đến các cuộc hôn nhân vùng biên là “vì tình yêu” và “để ổn định gia đình”. Điều này có nghĩa, tỷ lệ những cuộc hôn nhân vì tình, tự do ở khu vực biên giới còn thấp. Nhóm hôn nhân do cha mẹ quyết định có hỏi ý kiến con cái ở phía Bắc cao hơn khu vực biên giới miền Trung. Quyết định để đến một cuộc hôn nhân nhìn chung “lấy nhau vì tình” chiếm tỷ lệ cao nhất, nhưng giữa các nhóm hôn nhân nội biên và hôn nhân XBG, giữa nhóm nam và nhóm nữ, giữa các nhóm dân tộc vùng biên cũng có những khác biệt nhất định. Nhóm hôn nhân XBG ngoài số bị lừa bán thì lấy chồng vì chỗ dựa kinh tế, để ổn định gia đình là những lý do chính. Với nam giới, ngoài tình yêu, lý do để ổn định gia đình, để có người chăm sóc hoặc do cha mẹ sắp xếp có tỷ lệ cao hơn nhóm nữ; ngược lại, phụ nữ các dân tộc có tỷ lệ kết hôn vì tình yêu cao hơn nam giới, hoặc đơn giản là do có người đến hỏi hoặc lấy chồng vì cần chỗ dựa.

Còn một nửa số cặp vợ chồng được hỏi không đăng ký trước khi cưới. Với nhóm hôn nhân XBG tỷ lệ kết hôn không đăng ký cao hơn. Với các cuộc hôn nhân nội địa, tỷ lệ không đăng ký cao nhất là với lý do không biết các thủ tục/chưa bắt buộc hoặc thấy rằng không cần thiết; một số cho

rằng họ không đủ điều kiện, giấy tờ (trong đó không ít hiện tượng tảo hôn). Đối với các cuộc hôn nhân XBG, không đủ giấy tờ để đăng ký chiếm tỷ lệ cao nhất sau đó là không biết các thủ tục và thấy không cần thiết. Nhiều người cũng cho rằng không đăng ký kết hôn cũng chẳng ảnh hưởng gì đến cuộc sống bình thường của họ. Đối với các cuộc hôn nhân XBG, không đủ giấy tờ để đăng ký chiếm tỷ lệ cao nhất sau đó là không biết các thủ tục và thấy không cần thiết.

Nhận diện một số đặc điểm hôn nhân xuyên biên giới giúp chúng ta xác định rõ hơn những khía cạnh cần quan tâm trong quản lý hôn nhân và gia đình, xây dựng các kế hoạch, điều chỉnh chính sách nhằm thực hiện tốt hơn pháp luật về hôn nhân cũng như tạo điều kiện để người dân vùng biên dễ dàng thực hiện các quy định trong quản lý về hôn nhân và gia đình trong giai đoạn tiếp theo. ■